

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER Ở NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ

Tóm tắt: Ở Việt Nam, trong lịch sử đấu tranh chống áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chư tăng và Phật tử Phật giáo Nam tông Khmer luôn tiếp nối truyền thống hộ quốc an dân, luôn thể hiện ý chí và trách nhiệm của mình đối với quốc gia, dân tộc. Trong phạm vi bài viết, tác giả khái quát một số hoạt động trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với sự tham gia của các vị chư tăng và Phật tử Khmer tiêu biểu, góp phần vào thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Từ khóa: Phật giáo Nam tông Khmer; Chư tăng; Phật tử Khmer.

1. Khái quát cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ

Theo một nghiên cứu của Nguyễn Khắc Cảnh, cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, người Khmer đã tụ cư khá đông ở Đồng bằng sông Cửu Long. Về đại thể, họ sinh sống tập trung ở ba khu vực:

- 1) Vùng Sóc Trăng - Bạc Liêu, chủ yếu là ở Sóc Trăng, Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi.
- 2) Vùng An Giang - Kiên Giang, chủ yếu là ở Vọng Thê, Tri Tôn, Nhà Bàng và sau đó là vùng tây bắc Hà Tiên.
- 3) Vùng Trà Vinh - Vĩnh Long¹.

Đến thế kỷ XVII, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành những vùng môi sinh xã hội do bàn tay của những người nông dân Khmer tạo nên. Khi tới vùng Đồng bằng sông Cửu

* Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước Thành phố Cần Thơ.

Ngày nhận bài: 10/7/2019; Ngày biên tập: 19/7/2019; Duyệt đăng: 25/7/2019.

Long, người Khmer sinh sống trong những đơn vị cư trú gọi là Phum và Srok (người Việt đọc là sóc). Mỗi Phum tụ hợp năm, bảy gia đình có quan hệ thân tộc, huyết thống. Một số Phum như vậy hợp thành một đơn vị lớn hơn - Srok².

Theo một nghiên cứu của Maspéro, Phật giáo Nam tông đã có mặt ở Nam Bộ rất sớm. Có ngôi chùa được xây dựng từ cuối thế kỷ IV, như chùa Tro Pang Veng ở xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thế kỷ VI, VII, ở tỉnh Vĩnh Long đã có một số chùa được xây dựng, và tiếp đó, đến thế kỷ XI, XVI, XVII, hầu hết các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long có người Khmer sinh sống đều đã xây chùa thờ Phật theo hệ phái Nam tông. Đến thế kỷ XVIII, XIX và đầu thế kỷ XX, hầu như phum, sóc nào của người Khmer cũng đều có chùa thờ Phật³. Từ thế kỷ XVII, những lớp cư dân Việt từ vùng Ngũ Quảng theo các chúa Nguyễn di cư vào khai khẩn, lập nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng nhiều. Cuối thế kỷ XVII, các vùng cư dân người Việt phát triển nhanh chóng. Để quản lý và bảo vệ cư dân, năm 1698, chúa Nguyễn thiết lập bộ máy cai trị ở đây. Từ đây, người Khmer trở thành một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Khmer đã đoàn kết, gắn bó với dân tộc Kinh và các dân tộc anh em trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Hiện nay, Phật giáo Nam tông Khmer toàn vùng Tây Nam Bộ có 453 ngôi chùa với gần 10 ngàn vị sư đang tu tập⁴, tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau.

Từ khi du nhập vào Nam Bộ, Phật giáo Nam tông (PGNT) được coi là một triết lý sống trong cộng đồng người Khmer. Với quan niệm nhân sinh sâu sắc về con người, về cuộc đời con người,... và tinh thần đạo đức từ bi, cứu khổ, cứu nạn, PGNT vừa cải biến cho phù hợp với tâm thức, vừa dung hợp với các hình thức tín ngưỡng dân gian của người Khmer để đồng hành và phát triển như hiện nay.

Sự tương đồng giữa nhân sinh quan Phật giáo với quan niệm nhân sinh của người Khmer đã đem lại cho người Khmer nền tảng triết lý sống gắn kết trên cơ tầng nền văn minh lúa nước. Điều này luôn được thể hiện qua cách ứng xử giữa con người với thiên nhiên, con người với con người, quá khứ với hiện tại,... Điểm nổi bật trong triết lý sống ấy là chủ nghĩa yêu nước và được xem là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tiến trình lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ.

Bên cạnh đó, quan niệm tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo đã dẫn dắt tinh thần nhập thế tích cực của PGNT và đã đưa ảnh hưởng của tôn giáo này lan tỏa một cách mạnh mẽ và sâu rộng trong cộng đồng người Khmer. Do đó, khi đất nước lâm nguy, những người con Phật không thể giáo điều mà đứng nhìn quân thù xâm lược, bức hại đồng bào; không vì một điều thiện nhỏ cho cá nhân mà quên điều thiện lớn cho cộng đồng dân tộc. Trên tinh thần ấy, chư tăng và Phật tử Khmer đã không tách rời khỏi đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia hai cuộc kháng chiến đầy hy sinh, gian khổ của dân tộc Việt Nam: chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong hai cuộc kháng chiến đó, chư tăng và Phật tử Phật giáo Nam tông Khmer đã kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, thương yêu đồng bào, ý chí kiên cường, bất khuất và mưu trí đối phó với quân thù trong các cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập, thống nhất đất nước.

2. Bối cảnh lịch sử dẫn đến sự tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của Chư tăng và Phật tử Nam tông Khmer ở Nam Bộ

Năm 1861, thực dân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường). Đây là giai đoạn khó khăn cho cả Phật giáo Bắc tông lẫn Phật giáo Nam tông ở miền Nam Việt Nam. Từ năm 1861 đến năm 1935, thực dân Pháp thực hiện triệt phá các ngôi chùa lớn, cấm việc dạy và học chữ Pali ở các chùa, tập trung phát triển các nhà thờ Công giáo, thắt chặt kiểm soát, gây nhiều khó khăn trở ngại để ép chư tăng, Phật tử Khmer bỏ

Phật giáo theo Công giáo⁵. Năm 1867, khi Pháp chiếm hoàn toàn miền Nam Việt Nam thì họ vẫn nuôi dã tâm thực hiện chính sách đồng hóa nhằm xóa bỏ nền văn hóa truyền thống đa dạng của dân tộc Việt Nam, trong đó có văn hóa của người Khmer ở Nam Bộ. Mặt khác, thực dân Pháp hết sức chú ý kích động gây chia rẽ dân tộc Việt - Khmer qua các thủ đoạn: không cho người Khmer học chữ quốc ngữ (chỉ dùng chữ Pháp và Khmer); đưa binh lính người Việt đi đàn áp người Khmer và ngược lại; chia Phật giáo Nam tông thành hai bộ phận: Thammayut và Mahanikai; lập các “tổng tự trị” của người Khmer và ghép hệ thống chùa và sư sãi Khmer ở Nam Bộ vào hệ thống Phật giáo Campuchia⁶. Năm 1940, thực dân Pháp mở thêm chi nhánh của Viện Phật học Phnôm Pênh tại Sóc Trăng để quản lý và nắm bắt tình hình việc tu hành ở các chùa Khmer trong vùng. Trong quá trình cai trị của thực dân Pháp ở miền Nam Việt Nam, các chùa Khmer đều phụ thuộc vào Vua Sãi ở Campuchia, nên tất cả các công việc, như: nghi lễ, xuất gia, xây cất, sửa chữa chùa, tấn phong giáo phẩm,... đều do Vua Sãi quyết định⁷.

Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ và sau Hiệp định Genève 1954 khôi phục hòa bình ở Đông Dương, đế quốc Mỹ từng bước thay thực dân Pháp hiện diện tại miền Nam Việt Nam với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và là tiền đồn ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản mà Mỹ cho rằng đang lan truyền tới Đông Nam Á. Mỹ đã dựng nên một chính quyền chống Cộng sản do Ngô Đình Diệm đứng đầu. Với người Khmer, đế quốc Mỹ lập ra nhiều tổ chức phản động, như: *Đảng Khăn trắng*, *Mặt trận đấu tranh cho vùng Miền Hạ*, *Khmer Srei*, *Khmer Krom* và huấn luyện các lực lượng Khmer phản động chống lại cách mạng⁸.

Giai đoạn 1954-1963, chính quyền Sài Gòn tiếp tục sử dụng chính sách cưỡng bức văn hóa nhằm xóa bỏ Phật giáo và văn hóa của người Khmer. Do đó, PGNTK lại tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Dưới thời Ngô Đình Diệm, Công giáo được đề cao nên nhiều tôn giáo khác chịu sự kỳ thị. Với PGNTK, nhà cầm quyền chủ trương xóa bỏ

các lớp “Miên ngữ”, cấm tất cả các chùa dạy chữ Pali. Để hạn chế sự phát triển của PGNTK, chính quyền Sài Gòn dùng nhiều thủ đoạn để từng bước làm mất vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo này đối với cộng đồng người Khmer, như: gài mìn xung quanh chùa, kiểm tra chặt chẽ việc ra vào chùa của chư tăng và Phật tử,... Ngoài ra, chính quyền Sài Gòn còn thực hiện chính sách tâm lý chiến trong cộng đồng người Khmer, như: lợi dụng, lôi kéo, xúi dục những người Khmer nhẹ dạ, cả tin chống lại cách mạng, hay cho du nhập những tệ nạn xã hội như hút cần sa, ma túy, cờ bạc, rượu chè,... làm cho thanh thiếu niên xa dần các phong tục tập quán của dân tộc, chạy theo lối sống cá nhân, không nghĩ đến lợi ích chung của đất nước.

Đến thời kỳ Nguyễn Văn Thiệu, nhiều chùa trong vùng kháng chiến bị bắn phá, chư tăng bị bắt đi lính, một số chùa trở thành căn cứ quân sự, làm nơi đóng quân và đàn áp các cuộc biểu tình của chư tăng Khmer, đồng thời duy trì hệ phái Theravada mà họ đã thành lập trước đó. Bên cạnh đó, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu còn thành lập hệ phái Khemaranikay để phục vụ mục đích chính trị.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời ngày 22/12/1960 đã nhận được sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của chư tăng và Phật tử Khmer. Người Khmer và người Việt đã sát cánh bên nhau đấu tranh giành độc lập. Tại Đại hội thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Tây Nam Bộ, một vị đại diện chư tăng và đồng bào Khmer đã phát biểu: “Trước những tội ác tày trời của Mỹ - Diệm đối với nhân dân Miền Nam thì dù là tượng Phật cũng phải đứng dậy phản đối”⁹. Phát huy tinh thần yêu nước, chư tăng Khmer chân chính không thể ngồi yên nhìn kẻ thù giết hại đồng bào, tàn phá quê hương, xóm làng, chùa chiền mà không động lòng thương xót đau đớn. Các vị đã tập hợp trong tổ chức *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước* (Hội ĐKSSYN) cấp khu, tỉnh, huyện và đây là tổ chức thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, thực hiện trách nhiệm tham gia cứu nước, giải phóng dân tộc.

3. Một số hoạt động tiêu biểu trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của chư tăng và Phật tử Nam tông Khmer ở Nam Bộ

Thời kỳ Pháp thuộc và kháng chiến chống Pháp, “phong trào yêu nước ở Nam Bộ đã hình thành những liên minh Việt - Khmer chống Pháp. Ở miền Đông Nam Bộ có liên minh Trương Quyền - Pu Kumpô (1864). Trong một trận chiến năm 1867, nhà sư Pu Kumpô bị thương nặng, bị Pháp bắt và đến hôm sau qua đời (3/12/1867) tại Kom pong thom”¹⁰. Tại các tỉnh như Trà Vinh và Vĩnh Long có liên minh Lý Rọt - Đề Triều. Dọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia có liên minh của Thiện Hộ Dương và Hoàng thân Acha Xoa, liên minh Nguyễn Hữu Huân và Thạch Bướm (Thạch Pút). Ở tỉnh Sóc Trăng, sự kiện nổi bật nhất trong những năm 20 của thế kỷ XX là cuộc nổi dậy có vũ trang của nông dân Ninh Thạnh Lợi vào năm 1927 dưới sự lãnh đạo của ông Trần Kim Túc và Châu Nhum chống lại thủ đoạn cướp đất của chủ đồn điền người Pháp¹¹. Các phong trào kháng thực dân Pháp nói trên đã có tác dụng rất quan trọng trong việc cổ vũ tinh thần người Khmer tiếp tục đoàn kết, sát cánh cùng các dân tộc khác sinh sống trên vùng đất Nam Bộ đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống thực dân và tay sai đến khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo công cuộc cứu nước.

Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập, đồng bào Khmer ở Nam Bộ đã giác ngộ, tham gia vào các tổ chức yêu nước, như: Hội tương tế ái hữu, Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ,... góp phần làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của người Khmer ở Rạch Giá do Mai Văn Dung chỉ huy, tổ chức phục kích, cắt đường giao thông, tiêu diệt, phá hủy các phương tiện của thực dân Pháp, làm chủ được nhiều vùng rộng lớn¹².

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, hũ gạo nuôi quân, tuần lễ vàng,... Phật tử Khmer đã

tích cực hưởng ứng tham gia. Trong thành phần Ủy ban Việt Minh các cấp có không ít trí thức, chư tăng và Phật tử Khmer đảm nhiệm các chức vụ quan trọng, thể hiện được trách nhiệm của mình đối với đất nước, dân tộc, tiêu biểu như bà Đào Thị Sóc ở xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau mỗi năm canh tác trên 100 công ruộng, góp lúa nuôi quân và vận động nhiều người Khmer, gồm cả chư tăng và trí thức tham gia cứu quốc¹³.

Sau Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (ngày 23/9). Nhân dân Việt Nam tiếp tục tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện và trường kỳ vì mục tiêu độc lập, tự do. Nhiều căn cứ kháng chiến của lực lượng yêu nước vùng Tây Nam Bộ đã được xây dựng và phát triển trong vùng đồng bào Khmer, tạo tiền đề quan trọng trong công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, như: căn cứ Trà Cú - Trà Vinh; căn cứ Mỹ Xuyên, Long Phú, Vĩnh Châu - Sóc Trăng; căn cứ U Minh, Vĩnh Lợi, Ngọc Hiển, Trần Văn Thời - Cà Mau,...¹⁴. Trong kháng chiến chống Pháp, lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh vì độc lập, tự do của đất nước của người Khmer Nam Bộ thể hiện qua những tổ chức, như: Ban Vận động Cao Miên tự do và Hội Ủng hộ Isarrak (Hội Khmer Đoàn kết kháng chiến) ở Sóc Trăng (1948); Ban Khmer vận ở Trà Vinh (1948)¹⁵.

Trong kháng chiến chống Mỹ, ngay từ năm 1954, khi thực hiện Hiệp định Genève khôi phục hòa bình ở Đông Dương, nhiều chùa Khmer và cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào Khmer ở Nam Bộ đã tiễn đưa con em người Khmer tập kết ra Bắc, riêng ở vùng Bạc Liêu - Cà Mau vào “ngày 08/2/1955, tại chùa Tam Hiệp, xã Trần Hợi, Đại đức Thạch Kên đã làm lễ tiễn đưa năm nhà sư (Danh Chương, Châu Ngọc Ảnh, Sơn Wan Na Ri, Lý Xô, Trần Trí) và trên 100 con em người Khmer (trong đó có bà Đào Thị Sóc, chiến sĩ thi đua nông nghiệp Nam Bộ mang theo bốn người con là Kim Thưng, Kim Xuân, Kim Mạnh, Kim Giỏi) tập kết ra Bắc”¹⁶. Hoặc như ở ấp 7, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, Cà Mau, một số con em người Khmer, như: Lý Sam, Hữu Sung, Hữu Sà Ranh, Danh Thị Leng, Lâm Thuởi, Trần

Thành Phôn, Sơn Thị Na Phý, Hữu Mâu được tuyển chọn đưa đi tập kết¹⁷. Trong thời kỳ này, một số chư tăng Khmer đã thoát ly ra khỏi vùng giải phóng để lãnh đạo và huy động đoàn kết thực hiện trách nhiệm tham gia cứu nước, giải phóng dân tộc. Nhiều chư tăng và Phật tử Khmer đã anh dũng hy sinh hoặc bị bắt tù đầy đã dẫn đến nhiều cuộc biểu tình lớn. Có thể điểm qua một số cuộc đấu tranh bất bạo động tiêu biểu có sự tham gia của chư tăng, cùng với đồng bào các dân tộc đang sinh sống trên vùng đất Nam Bộ như sau:

Ngày 15/6/1960 khi địch cho bắn đạn cối 81 ly vào chùa Cao Dân ở xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Đại đức Hữu Nhem - trụ trì chùa, đã vận động Phật tử đấu tranh đòi Tỉnh trưởng Cà Mau phải bồi thường thiệt hại sinh mạng 02 em bé, tiền điều trị thuốc cho 7 nhà sư và 16 Phật tử khiến Ngô Đình Diệm phải đổi Tỉnh trưởng và Trưởng ty Miên vụ¹⁸.

Ngày 9/5/1964, 25.000 đồng bào ở quận Trà Cú, tỉnh Trà Vinh biểu tình phản đối Mỹ và tay sai giết hại hàng trăm đồng bào theo Phật giáo ở Mế Láng.

Ngày 30/5/1966, hơn 1.200 đồng bào Châu Đốc, trong đó có 1.000 nhà sư và đồng bào dân tộc Khmer ở Xà Lon, Măn Ro, Rào Rơ kéo đến ngụ quyền quận đấu tranh tố cáo giặc Mỹ rải chất độc hóa học¹⁹.

Ngày 7/12/1967, cuộc đấu tranh tại Trà Cú - Sóc Trăng với hàng trăm sư sãi và trên 40.000 đồng bào tham gia. Đoàn người đã giương cao hàng ngàn cờ Mặt trận giải phóng, hàng trăm băng rôn và khẩu hiệu kéo qua trên 80 đôn bốt, đòi địch phải thả những người bị bắt, phải bỏ lệnh bắt lính trong sư sãi, đòi bồi thường sinh mạng...²⁰; vào thời gian khác, cũng tại địa phương này, “có cuộc đấu tranh của 48.000 người, gồm cả gia đình binh sĩ địch. Đồng bào sư sãi kiến nghị chống bắt lính, gom dân, chống khủng bố. Lực lượng đấu tranh đóng tại quận cả tuần, buộc viên quận trưởng phải chấp nhận yêu sách của đồng bào²¹”.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, các cuộc đấu tranh chống đôn quân, bắt lính của sư sãi Khmer ở Hậu

Giang đã kéo dài trong hai năm (1969-1970). Riêng cuộc đấu tranh vào cuối năm 1969 đã có 5 nghìn sư sãi thuộc tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu tham gia; chỉ riêng ở Vĩnh Châu đã huy động được 1.200 sư sãi tham gia đấu tranh. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của sư sãi chùa Bà Beo vào ngày 22/5/1970 với sự tham gia của hơn 40 sư sãi và 300 đồng bào Khmer²².

Ngày 7/2/1971, Đại hội đoàn kết chống Mỹ và tay sai tại tỉnh Trà Vinh diễn ra tại chùa Trà Khúc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Đến dự Đại hội có 9.000 đồng bào, trong đó có 1.000 sư của 63 ngôi chùa trong tỉnh. Ngày 9/5/1971, tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Mỹ Tho, hàng chục vạn đồng bào, tăng ni, Phật tử kéo đến các chùa hội họp, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngày 26/10/1972, hơn 3.000 người, trong đó có 30 nhà sư ở huyện Cầu Ngang và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh biểu tình ủng hộ lập trường của cách mạng ở Hội nghị Paris, v.v...²³.

Ở Châu Thành (Cửu Long) trên 63.000 đồng bào Việt, Khmer cùng gia đình binh sĩ tham gia vây đồn bắt địch. Đồng bào, sư sãi dùng gậy gộc, trống mõ truy lùng tàn quân để bắt tù binh và thu vũ khí. Năm 1974, trong một buổi lễ dâng bông tại chùa Mới (Tri Tân) thị xã Trà Vinh, trên 10.000 sư sãi, đồng bào Khmer, và Việt Nam tham gia mít tinh tố cáo địch phá hoại hiệp định Paris và đòi Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống. Địch đưa 300 cảnh sát bao vây chùa, đàn áp, nhưng sư sãi, đồng bào Khmer và Việt Nam tham gia cuộc biểu tình mỗi lúc thêm đông. Trước sức mạnh và khí thế cao của quần chúng, địch phải chấp nhận kiến nghị²⁴.

Tại Rạch Giá (Kiên Giang), với sự kiện “ngày 10/6/1974, dưới sự vận động và dẫn đầu của các vị cao tăng lãnh đạo Hội Sư sãi Yêu nước đã có trên 2.000 sư sãi, Phật tử Khmer và đồng bào Kinh, Hoa tham gia biểu tình... trong cuộc biểu tình bảo vệ Phật pháp, bảo vệ chính nghĩa này đã có bốn vị sư anh dũng hy sinh. Đó là các vị Hòa thượng Lâm Hùng, Danh Hoi, Danh Táp, Danh Hom cùng với 16 vị khác bị trọng thương nặng”²⁵.

Từ ngày 26/2 đến 1/3/1975, hàng vạn nhà sư và đồng bào Trà Vinh đấu tranh quyết liệt chống chính quyền Nguyễn Văn Thiệu khủng bố và bắt lính. Địch đàn áp dã man đoàn biểu tình làm chết ba nhà sư và làm bị thương 20 vị khác. Bất chấp khủng bố, ngày 1/3/1975, gần 3.000 sư sãi người Việt gốc Khmer lại xuống đường kéo vào thị xã Trà Vinh đòi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu chấm dứt việc vây ráp chùa, bắt sư sãi đi lính, đòi trả tự do cho 154 sư sãi bị bắt từ 17/2/1975²⁶. Vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975, “ở vùng đồng bào Khmer cư trú đã diễn ra nhiều cuộc biểu tình với đông đảo đồng bào, sư sãi tham gia làm áp lực chính trị, nổi trống mõ, đốt lửa uy hiếp địch”²⁷.

Từ năm 1972, miền Nam Việt Nam chứng kiến nhiều cuộc giao tranh ác liệt, chùa chiền hoang phế, phum, sóc điêu tàn. Để bổ sung quân số bị hao hụt ở các chiến trường, chính quyền Sài Gòn ráo riết lùng sục đồn quân bắt lính sung quân, không những con em Phật tử Khmer bị bắt mà cả các vị Chư tăng cũng buộc phải cời y, cầm súng. Trước diễn biến tình hình phức tạp, Chư tăng và Phật tử Khmer càng nêu cao tinh thần yêu nước, thắt chặt tình đoàn kết, nêu cao tấm gương Đại thí với tinh thần bất khuất thuộc yếu tố Dũng trong ba thuộc tính Bi - Trí - Dũng của Phật giáo, tất cả đồng loạt đứng lên chống lại tình trạng bất bớ bừa bãi của chính quyền Sài Gòn. Cuộc biểu tình kéo dài nhiều ngày, sau đó lan rộng hầu hết các tỉnh vùng Tây Nam Bộ. Nhiều Chư tăng và Phật Khmer đã anh dũng hy sinh, trong đó có: Hòa thượng Hữu Nhem, Tỳ khưu Dương Sóc, Tỳ khưu Kim Sum...; Phật tử Thạch Thị Thanh, Danh Thị Tươi, Thạch Ngọc Biên, Kdam.... Hòa thượng Tăng Hô, Hòa thượng Lui Sa Rat, Phật tử Sơn Phi, Thạch Chơi, Thạch Hoa... bị bắt tù đầy. Nhiều vị Chư tăng đã thoát ly và trở thành cán bộ chỉ huy quân sự giỏi hoặc lãnh đạo các cơ quan nhà nước, như: Maha Sơn Thông, Maha Huỳnh Cương, Sơn Ngọc Minh, Thạch Mênre, Thạch Tùm, Trần Lai, Achar Sa Bút, Lui Sa Rát,...

Tổng kết hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, “toàn vùng hiện có 92 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 11 anh hùng

lực lượng vũ trang nhân dân, 2.863 liệt sĩ, 1.029 thương binh là người dân tộc Khmer và hàng chục ngàn gia đình Khmer có công với nước”²⁸. Trong đó, tính đến năm 2003, “toàn vùng có 47 chùa Khmer có thành tích kháng chiến, 11 liệt sĩ là Chư tăng Khmer”²⁹. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều ngôi chùa Khmer được mệnh danh là chùa Mặt trận vì đông đảo chư tăng trẻ tuổi tự nguyện xin lên đường tham gia chiến đấu giải phóng dân tộc; nhiều chùa là nơi nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng, là cơ sở cách mạng, ví dụ: chùa Dì Chuối, chùa Tân Hiệp ở Cà Mau; chùa Kinh Hai, chùa Sóc Diện - Gò Quao ở Kiên Giang; chùa Prây Chóp, chùa Tà Teo, chùa Bàng Thua - Vĩnh Châu ở Hậu Giang; chùa Kos Thum ở Bạc Liêu; chùa Phnô Om Pung, chùa Tháp (Watt Sovanna Mealy) ở Trà Vinh, chùa Sóc Lớn (Retchamaha Chettava Naram) ở Bình Phước, v.v... Tổng số chùa là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến ở vùng Trà Vinh có 54 chùa, Sóc Trăng có 39 chùa, Cần Thơ có 6 chùa, Vĩnh Long có 6 chùa, Cà Mau có 6 chùa³⁰.

Đặc biệt là sự ra đời của tổ chức Ban Sãi vận, Hội ĐKSSYN, chọn các vị chư tăng tiêu biểu, nhân sĩ, trí thức có lòng yêu nước, giác ngộ cách mạng để lãnh đạo các tổ chức này, đồng thời tham gia các chức vụ chủ chốt trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam. “Hội ĐKSSYN đã công khai kêu gọi tập hợp các tầng lớp Chư tăng, đồng bào Phật tử Khmer có xu hướng chính trị khác nhau kể cả binh lính, công chức ngụy quân, ngụy quyền nêu cao lòng yêu nước, đoàn kết chống xâm phạm tự do tín ngưỡng, xâm phạm chùa chiền, đòi hoà bình trung lập, độc lập dân tộc. Kết quả hoạt động của các cấp Hội ĐKSSYN đã làm chuyển biến, phân hoá nhiều lực lượng địch. Số chư tăng Khmer các chùa vùng tạm chiếm thân chính quyền Mỹ - Ngụy dần chuyển sang trung lập, một bộ phận khác trung lập đã thay đổi chuyển theo cách mạng tạo thành khối đoàn kết tiến hành các cuộc biểu tình lớn nhỏ khắp các tỉnh chống lại chính quyền Sài Gòn với các hình thức từ thấp đến cao, góp phần tích cực vào chiến thắng 30/4/1975”³¹.

Trong phong trào đấu tranh chống đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, nhiều vị sư sãi đã giữ những cương vị cao trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, như: Hòa thượng Sơn Vọng - Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới, Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Cố vấn Mặt trận Dân tộc giải phóng khu Tây Nam Bộ; Hòa thượng Hữu Nhem - Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới; Hòa thượng Thạch Sơn - Hội trưởng Hội đồng sư sãi yêu nước khu vực Tây Nam Bộ; Hòa thượng Lui Sa Rat - Chủ tịch Mặt trận giải phóng tỉnh Trà Vinh³², v.v...

Như thế, “Phật giáo Nam tông Khmer đã tích cực trong sự nghiệp cách mạng giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, luôn sát cánh cùng cộng đồng các dân tộc Việt Nam đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến và trực tiếp tham gia chiến đấu cho đến ngày toàn thắng. Phật giáo Khmer cũng đã làm rạng ngời truyền thống đoàn kết chống lại ngoại xâm của các dân tộc anh em trên đất nước ta”³³.

Kết luận

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đầy hy sinh, gian khổ của dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, chư tăng và Phật tử Khmer đã tỏ rõ lòng yêu nước, tình thương yêu đồng bào, ý chí kiên cường, bất khuất, lòng dũng cảm, sự thông minh và mưu trí đối phó với quân thù trong các cuộc đấu tranh trực diện, cũng như nơi giam cầm. Những thành tích trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của sư sãi Khmer yêu nước đã được Đảng, Nhà nước Việt Nam ghi nhận, tặng thưởng hai Huân chương Giải phóng hạng Nhất dành cho giới Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ.

Trong giai đoạn hiện nay, tiếp nối truyền thống tốt đẹp của các bậc tiền bối, chư tăng và Phật tử Khmer tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất, nâng cao đời sống,

thực hiện đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trên cơ sở xác định đồng bào Khmer nói chung là tộc người trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, Chư tăng PGNTK nói riêng có nhiều công lao trong công cuộc cải tạo, phát triển và bảo vệ vùng đất Nam Bộ; đồng thời, khẳng định vai trò to lớn của khối đại đoàn kết các dân tộc đối với sự thành bại của cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định “Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng³⁴”. Do đó, chính sách dân tộc nói chung, chủ trương, chính sách đối với tộc người Khmer nói riêng đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm; thể hiện rõ nét nhất thông qua Chỉ thị 117-CT/TW ngày 29/9/1981, Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991, Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư TW Đảng; cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc, Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo (2003) của các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể đã giúp cho cộng đồng người Khmer từng bước phát triển, cơ bản ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, cộng đồng người Khmer vẫn còn đối mặt với những khó khăn thách thức như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có nơi còn yếu kém, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; sản xuất hàng hóa nhỏ lẻ, sức cạnh tranh thấp; đời sống của một bộ phận dân còn gặp khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào Khmer còn cao; mặt bằng dân trí còn thấp so với các vùng miền trong cả nước; việc quan tâm xây dựng hệ thống chính trị trong vùng đồng bào Khmer chưa đúng mức.

Nhằm tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; đồng thời giúp cho cộng đồng người Khmer nói chung, PGNTK nói riêng tiếp tục phát triển, có những đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống góp làm phong phú bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam,... Trước tiên,

các cấp ủy Đảng, Chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội cần tiếp tục kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện 07 nội dung về việc hỗ trợ đối với PGNTK theo Tờ trình số 01/TTr-TGCP-V2 ngày 11/02/2004 của Ban Tôn giáo Chính phủ, được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 122/VPCP-NC ngày 26/02/2004; đồng thời, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả 06 nhiệm vụ trọng tâm theo tinh thần của Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII). Vì các nội dung này có liên quan trực tiếp đến việc phát huy vai trò của chư tăng trong PGNTK góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng người Khmer./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Khắc Cảnh (1996), *Vấn đề nguồn gốc người và sự hình thành cộng đồng người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam*, Trường Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- 2 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Nxb. Tôn giáo & Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 33.
- 3 Dẫn theo: Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Sđd, tr. 63.
- 4 Nguyễn Hữu Dũng, *Phát huy vai trò đoàn kết, yêu nước của sư sãi Khmer trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, trên <http://m.mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/phot-huy-vai-tro-doan-ket-yeu-nuoc-cua-su-sai-khmer-trong-cong-cuoc-xay-dung-va-bao-ve-to-quoc-27426.html#ref->, update 25/7/2019.
- 5 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Sđd, tr. 68-69.
- 6 Dẫn theo: Nguyễn Nghị Thanh (2012), “Vài nét về biến động của Phật giáo Nam tông Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, tr. 36.
- 7 Bạch Thanh Sang (2018), “Cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ với phong trào giải phóng dân tộc và giữ gìn bản sắc tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr. 73.
- 8 Nguyễn Nghị Thanh (2012), “Vài nét về biến động của Phật giáo Nam tông Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, Bđd, tr. 36.
- 9 Thạch Minh Mẫn (6/2014), “Quá trình hình thành và những sự kiện của Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam trong lịch sử”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 53.
- 10 Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 244.
- 11 Lý Sóc Kha, *Đồng chí Trịnh Thới Cang hết lòng vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc*, trên https://portal.soctrang.gov.vn/wps/portal/bandantoc!/ut/p/c4/04_SB8K8xLLM9

- MSSzPy8xBz9CP0os3gLR1dvZ09LYwODADMDA08PLzMXgxBT4zAnc_2C
bEdFAK1p0A8!/?PC_7_8AEKCI9300P600IHJ6D0T53VR2_WCM_CONTEXT
=/wps/wcm/connect/bandantoc/siteofbandantoc/tintucsukien/chinhtrixh/nhung+h
at+giong+do+song+mai+cung+thoi+gian, update ngày 12/9/2017.
- 12 Nguyễn Hữu Dũng, *Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, trên <http://tapchimattran.vn/nghien-cuu/phot-huy-truyen-thong-doan-ket-yeu-nuoc-cua-dong-bao-khmer-nam-bo-trong-cong-cuoc-xay-dung-va-bao-ve-to-quoc-12024.html>, update 17/4/2018.
 - 13 Văn kiện Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Cà Mau lần thứ Nhất, 2009, tr. 5.
 - 14 Nguyễn Hữu Dũng, *Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, trên <http://tapchimattran.vn/nghien-cuu/...> Tlđđ.
 - 15 Nguyễn Nghị Thanh (2012), “Vài nét về biến động của Phật giáo Nam tông Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, Bđđ, tr. 37.
 - 16 Trần Thanh Liêm (6/2014), “Đóng góp của PGNTK tỉnh Cà Mau trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 48.
 - 17 Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Cà Mau (1999), *Chùa Cao Dân 77 năm phát triển và trưởng thành*, Cà Mau, tr. 8.
 - 18 Trần Lưu, *Phật giáo Nam tông Khmer ở Cà Mau và những đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ*, trên http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/11522/Phat_giao_Nam_tong_Khmer_o_Ca_Mau_va_nhung_dong_gop_trong_hai_cuoc_khang_chien_chong_Fhap_My_#_ftn8
 - 19 Nguyễn Đại Đồng (6/2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 32.
 - 20 Nguyễn Đại Đồng (6/2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, Tlđđ, tr. 21.
 - 21 Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 268.
 - 22 Nguyễn Hữu Dũng, *Phát huy vai trò đoàn kết, yêu nước của sư sãi Khmer trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Tlđđ.
 - 23 Nguyễn Đại Đồng (6/2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 33.
 - 24 Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 269.
 - 25 Ban Dân vận Trung ương (20/05/2014), Tài liệu Tọa đàm: *Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp*, Cần Thơ, tr. 31.

- 26 Nguyễn Đại Đồng (6/2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 33.
- 27 Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 271.
- 28 Ban Dân vận Trung ương (số 03, ngày 11/10/2006), Báo cáo “Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”, tr. 01.
- 29 Nguyễn Hùng Khu (2008), *Hôn nhân và gia đình người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 238.
- 30 Nguyễn Hữu Dũng, *Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, trên <http://tapchimattran.vn/ngghien-cuu/...> Tlđđ.
- 31 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Sđđ, tr. 81.
- 32 Nguyễn Hữu Dũng, *Phát huy vai trò đoàn kết, yêu nước của sư sãi Khmer trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, trên <http://m.mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/....> Tlđđ.
- 33 Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông, tr. 131-132.
- 34 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 127.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Dân vận Trung ương (số 03, ngày 11/10/2006), Báo cáo “Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”.
2. Ban Dân vận Trung ương (20/05/2014), Tài liệu Tọa đàm: *Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp*, Cần Thơ.
3. Minh Chi (2005), *Truyền thống văn hóa và Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ thực hiện (1999-2000), Chuyên đề “*Vai trò của chùa đối với đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam Bộ*”, Cần Thơ.
5. Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Nxb. Tôn giáo & Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Đại Đồng (6/2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang.

9. Trần Thanh Liêm (6/2014), “Đóng góp của PGNTK tỉnh Cà Mau trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang.
10. Thạch Minh Mẫn (6/2014), “Quá trình hình thành và những sự kiện của Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam trong lịch sử”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang.
11. Nguyễn Nghị Thanh (2012), “Vài nét về biến động của Phật giáo Nam tông Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8.
12. Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

CONTRIBUTIONS OF THERAVADA OF THE KHMER IN THE SOUTH VIETNAM DURING THE RESISTANCES AGAINST FRENCH COLONIAL AND AMERICAN IMPERIALISM

Ly Hung

*Association for Solidary of the Patriotic Khmer Monks
in Can Tho City*

In the history of the resistance war against oppression, exploitation of French colonialism and American imperialism, Theravada's Khmer monks and Khmer Buddhists continued the tradition of protecting the nation, showed their will and responsibility to the nation and people. The author generalized activities of the national liberation movement with the participation of Theravada's Khmer monks and Khmer Buddhists through two wars against colonialism and imperialism.

Keywords: Theravada; Khmer monks; Khmer Buddhists.